

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Số: 13.102/BCKT - 2012

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

Kính gửi: Ông Trần Tuấn Minh, Giám Đốc
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
Địa chỉ: R1-49, khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trích yếu: V/v gửi dự thảo báo cáo tài chính đã được soát xét

Kính thưa Quý Ông

Như đã thỏa thuận, chúng tôi xin gửi đến Quý Ông bản dự thảo báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 đã được kiểm toán để Quý Ông xem xét và phê duyệt trước khi chính thức phát hành.

Nếu Quý Ông có ý kiến gì bổ sung, hoặc muốn trao đổi thêm xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý Ông.

Phó Tổng Giám đốc

Tăng Quốc Thắng

Ý kiến của Quý Khách Hàng

1. Chúng tôi đồng ý với bản dự thảo Báo cáo tài chính đã được soát xét

2. Chúng tôi đồng ý với Bản dự thảo Báo cáo tài chính đã được soát xét
Ngoại trừ các vấn đề sau:

.....
.....

Ngày tháng năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 3 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến tại trụ sở).
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên
Ông Trần Thanh Sang	Thành viên
Ông Lê Anh Hải	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Thế Anh	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN MINH

Số: 13.102/BCSX-2012.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 10 năm 2011 đến 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, báo cáo tài chính đính kèm còn bị hạn chế bởi vấn đề sau :

Như được trình bày tại mục 4.12 liên quan đến số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo tài chính này, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan chưa có hướng dẫn trình bày cụ thể. Số liệu trên báo cáo tài chính đính kèm được trình bày như sau :

- ✓ Cột số liệu kỳ này được lập cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm của niên độ tài chính năm nay, nghĩa là từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012;
- ✓ Cột số liệu kỳ trước được trình bày cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm của niên độ tài chính năm trước, nghĩa là từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Hiện tại, Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên đang chờ công văn trả lời của Vụ Chế Độ Kế Toán – Bộ Tài Chính hướng dẫn về trường hợp nêu trên nhưng đến ngày phát hành báo cáo này vẫn chưa nhận được phản hồi từ Vụ Chế Độ Kế Toán – Bộ Tài Chính về vấn đề nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, do những hạn chế từ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến soát xét về việc trình bày số liệu kỳ trước trên báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên là phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2012.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.255.112.663	48.005.147.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.049.144.319	13.092.916.839
1. Tiền	111	5.1	4.049.144.319	13.092.916.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	18.661.657.232	20.989.471.824
1. Phải thu khách hàng	131		18.774.699.448	17.186.518.093
2. Trả trước cho người bán	132		664.758.091	175.754.304
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		283.825.077	4.370.337.199
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.061.625.384)	(743.137.772)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	17.968.653.903	10.843.308.841
1. Hàng tồn kho	141		18.068.875.610	10.885.314.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(100.221.707)	(42.005.618)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.575.657.209	2.079.449.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	793.673.201	630.307.968
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		745.607.747	199.237.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.376.261	1.376.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	35.000.000	1.248.528.056

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.896.993.450	11.847.061.490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.660.792.590	10.551.300.068
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	6.660.792.590	10.427.609.085
+ Nguyên giá	222		11.277.300.205	15.413.130.735
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.616.507.615)	(4.985.521.650)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	123.690.983
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.236.200.860	1.295.761.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.495.179.260	554.739.822
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	741.021.600	741.021.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.152.106.113	59.852.208.541

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.055.786.681	16.335.016.586
I. Nợ ngắn hạn	310		8.968.755.244	16.245.001.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	5.438.725.802	5.695.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	2.880.355.355	8.719.650.649
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	31.117.291	118.358.101
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	142.630.941	1.442.066.187
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	157.471.182
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		32.361.055	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	443.564.800	112.455.600
II. Nợ dài hạn	330		87.031.437	90.014.867
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		8.759.770	5.515.200
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.271.667	84.499.667
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.096.319.432	43.517.191.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	42.096.319.432	43.517.191.955
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.763.500.000	39.763.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.657.825.820	1.799.238.080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.294.874.180	2.153.461.920
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.294.874.180)	(2.153.461.920)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		454.453.875	50.444.458
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		220.539.737	1.904.009.417
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.152.106.113	59.852.208.541

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		64,493.43	104,001.96
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	150.296.404.915	133.156.315.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	150.296.404.915	133.156.315.269
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	142.312.103.442	123.756.379.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.984.301.473	9.399.935.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	399.312.170	1.535.091.734
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.017.266.222	937.302.666
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.463.110.696	768.484.623
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	4.079.409.219	2.947.299.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	3.551.100.862	3.372.732.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.264.162.660)	3.677.692.963
11. Thu nhập khác	31	6.7	5.097.439.339	842.975.860
12. Chi phí khác	32	6.8	3.510.039.941	494.546.461
13. Lợi nhuận khác	40		1.587.399.398	348.429.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		323.236.738	4.026.122.362
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	99.452.431	1.315.498.061
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	3.244.570	(3.394.519)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		220.539.737	2.714.018.820
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.13	58	683

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC****ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG****TRẦN TUẤN MINH**

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		323.236.738	4.026.122.362
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		876.315.611	1.033.071.569
Các khoản dự phòng	03		376.703.701	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(35.039.080)	2.840.313
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.557.592.605)	(798.035.800)
Chi phí lãi vay	06		1.463.110.696	768.484.623
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.446.735.061	5.032.483.067
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.479.997.870	5.657.885.764
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.216.896.770)	7.864.363.894
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.056.778.679)	(21.152.637.340)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.103.804.671)	776.888.490
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.463.110.696)	(768.484.623)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.396.738.659)	(662.873.153)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.693.723.905	72.003.786
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.658.301.474)	(636.695.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(9.275.174.113)	(3.817.066.014)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(462.037.868)	(1.988.339.301)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(420.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.420.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		67.157.959	784.379.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		605.120.091	(1.022.141.677)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(141.412.260)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		67.922.028.360	25.378.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.169.632.358)	(40.808.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.783.445.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(389.016.258)	(18.213.445.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(9.059.070.280)	(23.052.652.691)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.092.916.839	39.256.498.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.297.760	(2.840.313)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.049.144.319	16.201.005.737

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC****ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG****TRẦN TUẤN MINH**

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (không chế biến tại trụ sở).
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 đến 30/9.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1%.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty thay đổi niên độ kế toán. Số liệu trên báo cáo tài chính kỳ này là số liệu của 06 tháng từ 01/10/2011 đến 31/3/2012, trong khi số liệu kỳ trước là số liệu của 06 tháng từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 do đó các số liệu tương ứng trong trường hợp này không mang tính chất so sánh giữa kỳ này và kỳ trước.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	692.071.749	740.696.471
Tiền gửi ngân hàng	3.357.072.570	12.352.220.368
Tổng cộng	4.049.144.319	13.092.916.839

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	18.774.699.448	17.186.518.093
- Khách hàng trong nước	14.592.128.535	13.867.996.844
- Khách hàng nước ngoài	4.182.570.913	3.318.521.249
Trả trước cho người bán	664.758.091	175.754.304
- Nhà cung cấp trong nước	658.869.128	175.754.304
- Nhà cung cấp nước ngoài	5.888.963	-
Các khoản phải thu khác	283.825.077	4.370.337.199
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	19.723.282.616	21.732.609.596
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.061.625.384)	(743.137.772)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	18.661.657.232	20.989.471.824

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu – xem thêm mục 7.	5.501.180.000	10.632.952.672
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên – xem thêm mục 7.	-	190.958.196
Cộng	5.501.180.000	10.823.910.868

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về tạm ứng lương của nhân viên	-	16.157.494
Trích trước lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	-	59.666.667
Phải thu về thuế GTGT đề nghị hoàn	283.825.077	4.290.243.958
Phải thu khác	-	3.909.080
Cộng	283.825.077	4.370.337.199

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.256.571.713	1.436.559.551
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.141.281.581	605.992.625
Thành phẩm	3.313.053.453	2.333.472.464
Hàng hóa	10.357.968.863	6.509.289.819
Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.068.875.610	10.885.314.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(100.221.707)	(42.005.618)
Giá trị thuần có thể thực hiện	17.968.653.903	10.843.308.841

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 58.216.089 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 3.352.588.393 đồng – Xem thêm mục 5.9.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	35.000.000	50.000.000
Ký quỹ mở L/C	-	1.198.528.056
Tổng cộng	35.000.000	1.248.528.056

(Phần tiếp theo ở trang 16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn/ đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	13.564.637	1.412.739	435.754	15.413.130
Mua trong kỳ	-	272.588	-	189.450	462.038
Đầu tư XD CB hoàn thành	17.608	106.083	-	-	123.691
Tăng khác	12.692	-	-	20.643	33.335
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.754.895)	-	-	(4.754.895)
Số dư cuối kỳ	30.300	9.188.413	1.412.739	645.847	11.277.299
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	4.531.846	234.296	219.379	4.985.521
Khấu hao trong kỳ	2.102	718.359	107.457	48.398	876.316
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.245.330)	-	-	(1.245.330)
Số dư cuối kỳ	2.102	4.004.875	341.753	267.777	4.616.507
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	9.032.791	1.178.443	216.375	10.427.609
Tại ngày cuối kỳ	28.198	5.183.538	1.070.986	378.070	6.660.792

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 192.236.809 đồng.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí vật tư, thiết bị và công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.8. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ vỏ bình gas và ký quỹ tiền thuê nhà.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	5.438.725.802	5.695.000.000
Tổng cộng	5.438.725.802	5.695.000.000

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Xem thêm mục 5.3) và chịu lãi suất 19,15%/năm đối với VND và 6,6%/năm đối với USD.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	2.880.355.355	8.719.650.649
- Nhà cung cấp trong nước	2.880.355.355	8.719.650.649
Người mua trả tiền trước	31.117.291	118.358.101
- Khách hàng trong nước	31.117.291	-
- Khách hàng nước ngoài		118.358.101
Tổng cộng	2.911.472.646	8.838.008.750

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu – xem thêm mục 7.	1.471.539.497	6.474.312.748

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.262.695	1.419.548.923
Thuế thu nhập cá nhân	20.368.246	22.517.264
Tổng cộng	142.630.941	1.442.066.187

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	112.455.600	295.079.680
Trích lập trong kỳ	1.500.000.000	200.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.168.890.900)	(372.656.080)
Số dư cuối kỳ	443.564.800	122.423.600

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.763.500.000	3.952.700.000	-	-	1.232.603.154	1.414.461.131	1.370.864.992	47.734.129.277
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.104.009.417	2.104.009.417
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(1.412.580.008)	(1.370.864.992)	(2.783.445.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(2.153.461.920)	2.153.461.920	(2.153.461.920)	-	-	-	(2.153.461.920)
Tăng khác	-	-	-	-	-	312.603.154	-	312.603.154
Giảm khác	-	-	-	-	(1.232.603.154)	(264.039.819)	(200.000.000)	(1.696.642.973)
Số dư đầu năm nay	39.763.500.000	1.799.238.080	2.153.461.920	(2.153.461.920)		50.444.458	1.904.009.417	43.517.191.955
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	220.539.737	220.539.737
Mua cổ phiếu quỹ	-	(141.412.260)	141.412.260	(141.412.260)	-	-	-	(141.412.260)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	404.009.417	(1.904.009.417)	(1.500.000.000)
Số dư cuối kỳ	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	-	454.453.875	220.539.737	42.096.319.432

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/3/2012	Tỉ lệ
Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	12.200.000.000	30,68%
Ông Trần Tuấn Minh	1.800.000.000	4,53%
Ông Lương Tuấn Minh	550.000.000	1,38%
Ông Lê Anh Hải	500.000.000	1,26%
Ông Trần Ngọc Hải	400.000.000	1,01%
Ông La Thọ Văn	300.000.000	0,75%
Ông La Thời Tâm	289.000.000	0,73%
Cổ đông khác	23.724.500.000	59,66%
Cộng	39.763.500.000	100%

5.13.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(142.300)	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.834.050	3.976.350
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	220.539.737	2.714.018.820
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.835.034	3.976.350
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	58	683

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	120.329.494.573	107.905.734.899
Doanh thu bán thành phẩm	29.966.910.342	25.250.580.370
Doanh thu thuần	150.296.404.915	133.156.315.269

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	116.940.559.019	102.969.184.182
Giá vốn của thành phẩm đã bán	25.313.328.334	20.787.195.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	58.216.089	-
Tổng cộng	142.312.103.442	123.756.379.773

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.157.959	728.823.886
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	297.115.131	800.396.591
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.039.080	5.871.257
Tổng cộng	399.312.170	1.535.091.734

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.463.110.696	768.484.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	554.155.526	160.106.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.711.570
Tổng cộng	2.017.266.222	937.302.666

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.688.402.106	1.383.318.445
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	180.228.708	131.203.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.352.960	42.122.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.174.075	881.487.291
Chi phí bằng tiền khác	575.251.370	509.167.748
Tổng cộng	4.079.409.219	2.947.299.545

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	809.151.557	745.876.802
Chi phí đồ dùng văn phòng	923.174.738	686.427.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.501.302	73.186.506
Thuế, phí và lệ phí	6.020.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	318.487.612	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.365.103	638.948.951
Chi phí bằng tiền khác	767.400.550	1.222.291.807
Tổng cộng	3.551.100.862	3.372.732.056

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ bán phế liệu, chuyển nhượng mặt bằng	97.436.374	483.398.815
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.000.000.000	181.818.182
Thu nhập khác	2.965	177.758.863
Tổng cộng	5.097.439.339	842.975.860

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí chuyển nhượng mặt bằng	-	381.784.777
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.509.565.354	112.606.268
Khác	474.587	155.416
Tổng cộng	3.510.039.941	494.546.461

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	323.236.738	4.026.122.362
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	789.461.349	1.274.597.881
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(35.039.080)	(38.728.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.077.659.007	5.261.992.243
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	269.414.751	1.315.498.061
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 101/2011/ND-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011.	(169.962.320)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	99.452.431	1.315.498.061

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ và thu nhập chịu thuế khi tính thuế như: chi phí vượt mức khống chế, chi phí không hợp lý hợp lệ.

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	Trợ cấp mất việc làm	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.076.519	(10.334.239)	2.742.280
Hoàn nhập trong năm trước	(13.076.519)	10.334.239	(2.742.280)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	5.515.200	-	5.515.200
Số dư đầu năm nay	5.515.200	-	5.515.200
Hoàn nhập kỳ này	(5.515.200)	-	(5.515.200)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh trong kỳ	8.759.770	-	8.759.770
Số dư cuối kỳ	8.759.770	-	8.759.770

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	8.759.770	5.515.200
Tổng cộng	8.759.770	5.515.200

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.767.645.607	15.443.152.886
Chi phí nhân công	6.812.525.374	5.459.799.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	876.315.611	1.033.071.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.795.903.857	2.318.282.468
Chi phí khác bằng tiền	3.206.317.911	3.230.634.319
Tổng cộng	34.458.708.360	27.484.940.864

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

ĐVT: triệu đồng

	Trong nước		Ngoài nước		Tổng cộng	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	111.241	127.911	21.915	22.385	133.156	150.296
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	111.241	127.911	21.915	22.385	133.156	150.296
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	104.355	123.953	19.401	18.359	123.756	142.312
Chi phí không phân bổ					(6.320)	(7.631)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập tài chính và chi phí tài chính					3.080	354
Lợi nhuận hoạt động tài chính					598	(1.618)
Lợi nhuận hoạt động khác					348	1.587
Lợi nhuận trước thuế					4.026	323
Chi phí thuế TNDN					(1.312)	(102)
Lợi nhuận sau thuế					2.714	221
Các thông tin khác						
	Trong nước		Ngoài nước		Tổng cộng	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
Tài sản bộ phận	4.240	14.838	4.520	3.540	8.760	18.378
Tài sản không phân bổ					51.803	32.774
Tổng tài sản					60.563	51.152
Nợ phải trả bộ phận	14.082	9.047	-	-	14.082	9.047
Nợ phải trả không phân bổ					-	9
Tổng nợ phải trả					14.082	9.056

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực của Công ty chỉ bao gồm sản xuất và mua bán thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	5.501.180.000	10.823.910.868
Phải trả - Xem thêm mục 5.10	1.471.539.497	6.474.312.748

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	13.227.768.392	6.963.471.950
Thu tiền bán hàng	18.550.499.260	6.499.425.470
Cán trừ công nợ	-	61.620.126
Mua hàng	19.076.250.644	40.022.829.692
Phải trả phí gia công cắt thép	68.456.276	95.836.099
Phải trả tiền thuê kho, thuê mặt bằng	948.144.300	105.355.800
Thanh toán tiền hàng	25.095.624.471	58.784.412.899

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	126.000.000	96.000.000
Lương Giám đốc	210.250.000	147.994.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	198.970.000	141.383.000
Tổng cộng	535.220.000	385.377.000

9. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động số HDTN/MHL/30082011 ngày 30 tháng 08 năm 2011. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	681.065.496	385.875.000

Tại ngày 31/3/2012, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	296.331.480	281.259.000
Tổng cộng	296.331.480	281.259.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2012	30/9/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.049.144.319	13.092.916.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.713.074.064	16.443.380.321
Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ	741.021.600	1.939.549.656
Tổng cộng	22.503.239.983	32.475.846.816
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.438.725.802	5.695.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.880.355.355	8.719.650.649
Chi phí phải trả	-	157.471.182
Tổng cộng	8.319.081.157	14.572.121.831

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/3/2012	30/9/2011	31/3/2012	30/9/2011
Đô la Mỹ (USD)	199,320.8	160,875	64,493.43	104,001.96

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/3/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	2.880.355.355	-	2.880.355.355
Các khoản vay	5.438.725.802	-	5.438.725.802
30/9/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	8.719.650.649	-	8.719.650.649
Chi phí phải trả	157.471.182	-	157.471.182
Các khoản vay	5.695.000.000	-	5.695.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.713.074.064	-	17.713.074.064
Các khoản ký quỹ		741.021.600	741.021.600
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.443.380.321	-	16.443.380.321
Các khoản ký quỹ	1.198.528.056	741.021.600	1.198.528.056
đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2012.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH